

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Khánh Linh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-LĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 12/2025/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Bùi Thị V, sinh năm 1992;

Hộ khẩu thường trú: thôn A, xã Q, huyện Q1, tỉnh T. Nơi ở hiện nay: thôn T1, xã Q, huyện Q1, tỉnh T.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chị Bùi Kim O, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, thành phố T, tỉnh T.

2.2. Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T);

Địa chỉ: Đường T2, khu công nghiệp N, thành phố T, tỉnh T.

2.3. Công ty TNHH T3;

Địa chỉ: Khu công nghiệp N, phường T4, thành phố T, tỉnh T.

2.4. Bảo hiểm xã hội tỉnh T;

Địa chỉ: Số 07, đường L, phường L1, thành phố T, tỉnh T.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Bùi Thị V trình bày:

Từ tháng 3/2009 đến tháng 05/2009, chị Bùi Thị V làm công nhân tại Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T), khi ký kết hợp đồng lao động chị V đã mượn giấy tờ của chị Bùi Kim O và lấy tên Bùi Kim O để ký kết hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M. Chị V không lưu giữ được hợp đồng lao động nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy trên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động mang tên Bùi Kim O và Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M nhưng thực tế chị V là người trực tiếp làm việc và tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội nhưng dưới họ tên là Bùi Kim O, số sổ bảo hiểm xã hội TZ45568052.

Từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010, chị Bùi Thị V làm công nhân may công nghiệp tại Công ty TNHH T3, khi ký kết hợp đồng lao động chị V đã mượn giấy tờ của chị Bùi Kim O và lấy tên Bùi Kim O để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T3. Chị V không lưu giữ được hợp đồng lao động nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy trên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động mang tên Bùi Kim O và Công ty TNHH T3 nhưng thực tế chị V là người trực tiếp làm việc và tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội nhưng dưới họ tên là Bùi Kim O, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55556693.

Chị V yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết mang tên chị Bùi Kim O (trên thực tế là chị Bùi Thị V ký) và Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M trong thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 và tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị (lấy tên Bùi Kim O) và Công ty TNHH T3 trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010 là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Kim O trình bày:

Từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 chị đã cho chị Bùi Thị V mượn chứng minh nhân dân mang tên Bùi Kim O để ký hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T). Trên thực tế, chị Bùi Thị V là người ký hợp đồng và làm việc tại Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M, nhưng trên hợp đồng lao động ký kết giữa chị V với công ty, người lao động tên là Bùi Kim O và sổ bảo hiểm xã hội của chị V đóng trong thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 mang tên Bùi Kim O, số sổ bảo hiểm xã hội TZ45568052.

Từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010 chị V tiếp tục mượn hồ sơ của chị để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T3. Trên thực tế, chị V là người ký kết hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH T3, nhưng trên hợp đồng lao động ký kết giữa chị với công ty, người lao động tên là Bùi Kim O và sổ bảo hiểm xã hội của chị V đóng trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010

mang tên Bùi Kim O, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55556693.

Đến nay, khi chị làm thủ tục nối sổ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp với số sổ bảo hiểm số 3411010070 thì được cơ quan bảo hiểm trả lời bị trùng quá trình đóng bảo hiểm ở Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M, mã số bảo hiểm TZ45568052, từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 và Công ty TNHH T3, mã số bảo hiểm TZ55556693, từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010. Do đó bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho chị được.

Nay chị V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị Bùi Kim O (trên thực tế là chị V ký) và Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T) trong thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 và hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị Bùi Kim O (trên thực tế là chị V ký) và Công ty TNHH T3 trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Chị Oanh hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị V và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T) trình bày:

- Công ty không có căn cứ để xác định việc bà Bùi Thị V đã sử dụng hồ sơ của bà Bùi Kim O để ứng tuyển vào làm việc tại công ty.

- Công ty chỉ xác nhận người ký hợp đồng lao động và có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến công ty trong suốt quá trình làm việc là: Bùi Kim O, sinh ngày 05/12/1990, số CMTND: 151780097 cấp ngày 21/02/2005 tại Công an T, địa chỉ thường trú: xã H1, huyện V1, tỉnh T, thời gian làm việc từ 10/02/2009 đến 27/5/2009.

- Kể từ ngày 03/6/2009 đến trước ngày 10/3/2025, Công ty không nhận được bất cứ thông tin nào từ cơ quan pháp luật, chính quyền hoặc cơ quan bảo hiểm liên quan đến sai phạm hoặc sai lệch hồ sơ cá nhân của 02 công dân Bùi Kim O và Bùi Thị V.

- Từ những quan điểm nêu trên, quan điểm của Công ty:

- + Công ty không còn bất cứ trách nhiệm và nghĩa vụ nào đối với bà Bùi Kim O.

- + Công ty cho rằng việc làm rõ không thuộc nghiệp vụ của Công ty mà là nghiệp vụ và trách nhiệm của cơ quan pháp luật liên quan đến việc sai lệch hồ sơ có chủ đích của cả 02 công dân Bùi Kim O và Bùi Thị V mà Công ty, BHXH tỉnh T và Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh T đều là những đơn vị bị ảnh hưởng.

- + Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T xác nhận: Công ty không đồng ý hết hiệu lực hợp đồng lao động của Công ty đã ký kết với bà Bùi Kim O.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH T3 trình bày:

Công ty xác nhận chị Bùi Kim O đã làm việc tại Công ty TNHH T3 trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho chị Bùi Kim O, số sổ bảo hiểm xã hội TZ55556693 từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010. Sau đó chị Bùi Kim O đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty. Công ty TNHH T3 đã giải quyết, thanh toán hết lương, tiền trợ cấp thôi việc cho chị Bùi Kim O và không còn lưu trữ hồ sơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày:

Chị Bùi Kim O, sinh ngày 05/12/1990, tại số sổ bảo hiểm xã hội TZ45568052 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 là 03 tháng và tại số sổ bảo hiểm TZ55556693 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH T3 từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010 là 05 tháng.

Tổng số tiền 02 đơn vị trên đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là: tại Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M đóng 769.500 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 540.000 đồng, người lao động đóng 229.500 đồng và tại Công ty TNHH T3 đóng 1.575.765 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 1.105.800 đồng, người lao động đóng 469.965 đồng. Hiện nay Bảo hiểm xã hội tỉnh không lưu giữ Hợp đồng lao động ký kết giữa Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M và chị Bùi Kim O từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 và Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH T3 và chị Bùi Kim O từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010. Bảo hiểm xã hội tỉnh T đề nghị Tòa án xử lý yêu cầu của chị Bùi Thị V theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị V, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M và chị Bùi Kim O (do chị Bùi Thị V ký) trong thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 và hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH T3 và chị Bùi Kim O (do chị Bùi Thị V ký) trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010 là vô hiệu. Chị Bùi Thị V và chị Bùi Kim O có quyền liên hệ với BHXH tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân trên sổ BHXH số TZ45568052 và TZ55556693 tên Bùi Kim O, sinh ngày

05/12/1990, căn cước công dân số: 034190006807 ngày cấp 12/8/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thành Bùi Thị V, sinh ngày 05/11/1992, căn cước công dân số 034192003249 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1.] Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T) và Công ty TNHH T3 có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh T. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Do Hợp đồng lao động ký giữa Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T) và chị Bùi Kim O (do chị Bùi Thị V ký) vào 3/2009 đến tháng 5/2009; Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH T3 và chị Bùi Kim O (do chị Bùi Thị V ký) vào 10/2009 đến tháng 02/2010 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết. Tuy nhiên Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, do đó cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị Bùi Thị V (hồ sơ mang tên Bùi Kim O) với Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T) trong thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 và giữa chị Bùi Thị V (hồ sơ mang tên Bùi Kim O) với Công ty TNHH T3 trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010 là vô hiệu thì thấy:

Việc chị Bùi Thị V mượn chứng minh nhân dân của chị Bùi Kim O để ký kết hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T) và Công ty TNHH T3 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi

phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Bùi Thị V là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2.] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa chị Bùi Thị V (hồ sơ mượn tên chị Bùi Kim O) với Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T) và Công ty TNHH T3 nhưng trên thực tế chị V có làm việc tại công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị V (mang tên chị Bùi Kim O, số sổ bảo hiểm xã hội lần lượt là TZ45568052 và TZ55556693). Do vậy cần điều chỉnh tên Bùi Kim O trên Sổ bảo hiểm xã hội số TZ45568052 và TZ55556693 thành Bùi Thị V. Chị Bùi Thị V và chị Bùi Kim O có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Bùi Kim O thành Bùi Thị V để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về lệ phí: Chị Bùi Thị V phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị V.

2. Tuyên bố:

- Hợp đồng lao động đã ký giữa Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T) và chị Bùi Kim O (do chị Bùi Thị V ký) trong thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 5/2009 là vô hiệu.

- Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH T3 và chị Bùi Kim O (do chị Bùi Thị V ký) trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2010 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội TZ45568052 và TZ55556693 từ Bùi Kim O, sinh ngày 05/12/1990, căn cước công dân số: 034190006807 ngày cấp 12/8/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thành Bùi Thị V, sinh ngày 05/11/1992, căn cước công dân số 034192003249 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021. Chị Bùi Kim O và chị Bùi Thị V có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Bùi Kim O thành Bùi Thị V.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000970 ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Bùi Thị V, Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất hàng thể thao M (nay là Công ty cổ phần sản xuất H – chi nhánh T), Công ty TNHH T3, chị Bùi Kim O, Bảo hiểm xã hội tỉnh T có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Khánh Linh